TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 297/2023/HC - PT

Ngày 25/8/2023

V/v: "Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Ngọc Thái**

Các Thẩm phán: Ông **Đặng Kim Nhân**

Bà **Võ Thị Ngọc Dung**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Phương Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Phạm Tấn Ánh** - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 75/2023/TLPT-HC ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc *"Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"* do Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2023/HC-ST ngày 06/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2719/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** ông Nguyễn Dương Bá N; địa chỉ: tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Dương Bá N: bà Dương Thị S; địa chỉ: tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: ông Phan Ngọc N1 - Luật sư Văn phòng L; địa chỉ: số E đường A, thôn A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: ông Lê Đại T - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Phạm Văn T1 - Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B. Vắng mặt

Ông Võ Quang H - Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, có đơn xin xét xử vắng mặt

Cùng địa chỉ: C H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người kháng cáo: bà Dương Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng của người khởi kiện và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là bà Dương Thị S *trình bày:*

Ông Nguyễn Dương Bá N là chủ sử dụng thửa đất số 54, tờ bản đồ số 59, diện tích 87,9m^2, trong đó có 50m^2 đất ở, 24m^2 đất trồng cây lâu năm đã được Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt là GCNQSDĐ) số BG 677646 đứng tên ông Nguyễn Văn T2, bà Dương Thị S, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B đăng ký chỉnh lý biến động sang tên Nguyễn Dương Bá N ngày 31/8/2011.

Tại Quyết định số 8686 ngày 17/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư T (Viết tắt là Quyết định số 8682); Ủy ban nhân dân thành phố B thu hồi toàn bộ diện tích đất của ông N theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp có diện tích 87,9m^2, trong đó có 50m^2 đất ở, 24m^2 đất trồng cây lâu năm.

Tại Quyết định số 8682 Ủy ban nhân dân thành phố B đã xác định bồi thường đất ở 50m^2 giá 5.600.000 đồng/m^2, mức bồi thường 100%, thành tiền là 280.000.000 đồng; bồi thường 37,9m^2 đất trồng cây lâu năm, giá 1.200.600 đồng/m^2, thành tiền 45.502.740 đồng.

Ngoài ra, Trung tâm phát triển quỹ đất còn xác định bồi thường các công trình gồm nhà vệ sinh, vật kiến trúc, tường rào, móng, chuồng heo, hầm rút nước, hợp đồng nước máy, hợp đồng điện và một số cây trồng trên đất, trị giá 59.987.013 đồng.

Với phương án bồi thường trên Ủy ban nhân dân thành phố B không áp dụng các khoản hỗ trợ di dời, thuê nhà ở, tái định cư theo quy định nên ông N đã làm đơn khiếu nại.

Tại văn bản số 142 ngày 27/8/2020 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B về việc giải quyết khiếu nại, không đồng ý với nội dung giải quyết khiếu nại nên ông N tiếp tục có đơn khiếu nại. Tại văn bản số 156 ngày 09/8/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B thừa ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố B giải quyết, cho rằng: "Tại thời điểm thu hồi, Nguyễn Dương Bá N không ở tại lô đất bị thu hồi, mặt khác hiện nay hộ ông Nguyễn Dương Bá N có đất ở tại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 59, diện tích 145,8m^2. Do

đó, ông N không đủ điều kiện giao đất có thu tiền sử dụng đất". Nhận thấy, nội dung giải quyết khiếu nại của Trung tâm phát triển quỹ đất là không phù hợp với các quy định của pháp luật, bởi lẽ:

Thứ nhất, thửa đất số 54, tờ bản đồ số 59, diện tích thực tế là 87,9m^2 mà nhà nước thu hồi của ông N có công trình phụ, chuồng trại chăn nuôi và ông N đã đăng ký hộ khẩu thường trú tại thửa đất này nên không thể nói ông N không ở tại đây.

Thứ hai, thửa đất số 62, tờ bản đồ số 59, diện tích 145,8m^2, trong đó có 100m^2 đất ở đã được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của bà Dương Thị S, ông N chỉ là người cùng đứng tên chủ sử dụng. Thửa đất này đã được vợ chồng bà S chuyển nhượng cho bà Đậu Thị Lan H1 vào ngày 22/11/2021. Hợp đồng chuyển nhượng đã được thực hiện xong bà H1 đã được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 59, diện tích thực tế là 87,9m^2 đã được vợ chồng bà Dương Thị S và ông Nguyễn Văn T2 tặng cho riêng ông N, đã được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng. Vì vậy, ông N không còn là chủ sử dụng chung trong thửa đất số 62, tờ bản đồ số 59 như giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. Việc Ủy ban nhân dân thành phố B không giao đất tái định cư và chi trả các khoản hỗ trợ của người có đất bị thu hồi là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông N.

Theo quy định tại Điều 74, 75, 79 Luật đất đai năm 2013; khoản b Điều 1 Nghị định 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì việc ông N là chủ sử dụng thửa đất số 54, tờ bản đồ số 59, diện tích thực tế là 87,9m^2 đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên khi nhà nước thu hồi đất, chủ đất phải được hưởng quyền lợi đối với tất cả các khoản bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo luật. Việc Ủy ban nhân dân thành phố B và Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố cho rằng ông N vẫn đứng tên chung với mẹ ở một thửa đất khác có đất ở nên không bồi thường bằng đất và không giao đất tái định cư cho ông N là không thỏa đáng.

Vì vậy, ông N khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: hủy một phần Quyết định số 8682/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư T, phường T, thành phố B (đợt 3); hủy Văn bản số 156/CV-TTPTQĐ ngày 09/8/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Dương Bá N. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; trong đó bồi thường bằng đất hoặc bồi thường theo giá đất ở, giao đất tái định cư và hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố B**, ông** Lê Đại T **trình bày:**

Căn cứ Quyết định số 5802/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố B về chủ trương đầu tư dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư T, phường T, thành phố B.

Căn cứ Quyết định số 5830/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt dự án: xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư T, phường T, thành phố B.

Căn cứ Quyết định số 4227/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt điều chỉnh dự án: xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư T, phường T, thành phố B.

Sau khi các ngành chuyên môn của Ủy ban nhân dân thành phố B triển khai thực hiện đầy đủ các bước trong công tác thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 17/12/2020, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 8682/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình: xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư T, phường T, thành phố B (đợt 3).

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông N, đại diện Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến như sau:

Về nguồn gốc đất: năm 1992 bà Dương Thị S được Ủy ban nhân dân phường T cấp đất làm nhà ở. Ngày 08/01/2010 hộ bà Dương Thị S và ông Nguyễn Văn T2 được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 366901 đối với thửa đất số 24, tờ bản đồ số 59, diện tích 406,6m^2 trong đó 300m^2 đất ở tại đô thị và 106,6m^2 đất trồng cây lâu năm. Ngày 12/7/2011 hộ bà S, ông T2 được cấp lại do tách thửa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 677646 tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 59, diện tích 63,9m^2 trong đó 50m^2 đất ở tại đô thị và 13,9m^2 đất trồng cây lâu năm. Ngày 31/8/2011 hộ bà S ông T2 tặng cho Nguyễn Dương Bá N, đã được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất chỉnh lý trang 4.

Diện tích đất đo đạc theo hiện trạng là 87,9m^2 tăng hơn so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 24m^2 do khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã trừ chỉ giới quy hoạch đường giao thông và sai số giữa hai lần đo đạc. Diện tích tăng có cùng nguồn gốc với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện ông N sử dụng ổn định, không có tranh chấp.

Diện tích đất bị thu hồi có tổng diện tích là 87,9m^2; trong đó gồm: diện tích 63,9m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 677646 tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 59 và 24m^2 đất trồng cây lâu năm chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có cùng nguồn gốc đất với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về yêu cầu bồi thường bằng đất ở:

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Qua xác minh điều kiện nhà ở, đất ở thì ông Nguyễn Dương Bá N còn đất ở tại địa bàn phường T nơi có đất bị thu hồi (thửa đất số 62, tờ bản

đồ số 59, diện tích 145,8m^2 trong đó 100m^2 đất ở, 45,8m^2 đất trồng cây lâu năm, chung quyền sử dụng đất với bà Dương Thị S là mẹ. Ngoài ra, hộ bà S đã được Ủy ban nhân dân thành phố B giao 01 thửa đất tái định cư tại thửa đất số 339 (thửa cũ: DO-LK04-30), tờ bản đồ số 1, diện tích 140,58m^2 đất ở.

Ngày 17/12/2020, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 8682/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình: xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư T, phường T, thành phố B (đợt 3). Trong đó việc bồi thường bằng tiền cho ông Nguyễn Dương Bá N đã được thực hiện đúng quy định.

Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 41/2023/HC-ST ngày 06/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 3 Điều 116; Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính;

Áp dụng Luật đất đai 2013; Nghị định 47/2014/NĐ-CP về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Dương Bá N về việc hủy một phần Quyết định số 8682/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (đợt 3). Hủy Văn bản số 156/CV-TTPTQĐ ngày 09/8/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Dương Bá N. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; trong đó bồi thường bằng đất hoặc bồi thường theo giá đất ở, giao đất tái định cư và hỗ trợ khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ngày 15/4/2023 bà Dương Thị S là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Dương Bá N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bà Dương Thị S là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Dương Bá N vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo, cho rằng việc bản án sơ thẩm bác yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; trong đó bồi thường bằng đất hoặc bồi thường theo giá đất ở, giao đất tái định cư

và hỗ trợ người có đất bị thu hồi là chưa bảo đảm quyền lợi cho ông N. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện và các yêu cầu của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nêu quan điểm giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị S và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ váo kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện thì thấy:

[1.1] Ngày 17/12/2020, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định số 8682/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư T (đợt 3). Ngày 09/8/2022 Trung tâm phát triển quỹ đất thừa ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Công văn số 156/CV-TTPTQĐ trả lời đơn kiến nghị của ông N. Không đồng ý với văn bản trả lời và quyết định hành chính trên. Ngày 22/8/2022 ông Nguyễn Dương Bá N làm đơn khởi kiện yêu cầu: hủy một phần Quyết định số 8682/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (đợt 3). Hủy Văn bản số 156/CV-TTPTQĐ ngày 09/8/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Dương Bá N. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; trong đó bồi thường bằng đất hoặc bồi thường theo giá đất ở, giao đất tái định cư và hỗ trợ khác. Việc khởi kiện trong hạn luật định và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các Điều 30, 32 và 116 Bộ luật tố tụng Hành chính tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[1.2] Về nguồn gốc đất: ông Nguyễn Dương Bá N là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 54, tờ bản đồ số 59, diện tích 63,9m^2 (trong đó 50m^2 đất ở tại đô thị; 13,9m^2 đất trồng cây lâu năm) đã được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 677646 ngày 12/7/2011, nguồn gốc nhận tặng cho. Diện tích đất thu hồi có tổng diện tích 87,9m^2 tăng hơn so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 24m^2 do khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã trừ chỉ giới quy hoạch đường giao thông và sai số giữa hai lần đo đạc.

[2] Đối với yêu cầu bồi thường bằng đất hoặc bồi thường theo giá đất ở:

Tại khoản 2 Điều 74 Luật đất đai 2013 quy định *"Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất."* và tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định *"Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân còn đất ở, nhà ở khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở thì được xem xét để bồi thường bằng đất ở."*.

Căn cứ hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm Nhà nước thực hiện việc kiểm kê, thu hồi đất năm 2019 thì thửa đất số 54, tờ bản đồ 59, diện tích 63,9m^2 (diện tích thực tế quản lý, sử dụng 87,9m^2) không có nhà ở trên đất.

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 25/02/2020 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường T thì thấy thể hiện vị trí đất bị thu hồi đã được tiến hành xác minh thuộc công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư T, phường T, thành phố B có hộ bà Dương Thị S (thửa đất số 56, 62; tờ bản đồ số 59), hộ ông Nguyễn Dương Bá N không ở trên thửa đất bị thu hồi là thửa đất số 54, tờ bản đồ số 59. Hộ bà S không ở trên thửa đất số 62 tại thửa đất này có nhà ở, mà đang ở trên thửa đất bị thu hồi là thửa đất số 56. Sau khi nhà nước thu hồi thửa đất số 56 hộ bà S đã được Ủy ban nhân dân thành phố B giao 01 thửa đất tái định cư tại thửa đất số 339 (thửa cũ: DO-LK04-30), tờ bản đồ số 01, diện tích 140,58m^2 đất ở. Hộ ông N không ở trên thửa đất số 54. Thửa đất số 62, tờ bản đồ số 59, diện tích 145,8m^2 trong đó: 100m^2 đất ở, 45,8m^2 đất trồng cây lâu năm đã được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 987066 ngày 02/3/2015 cho bà Dương Thị S và ông Nguyễn Dương Bá N, địa chỉ thửa đất phường T, thành phố B.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trên, xét thấy: hộ ông Nguyễn Dương Bá N đã bị thu hồi hết đất ở tại thửa đất số 54 nhưng trong địa bàn phường T nơi có đất ở thu hồi ông N vẫn còn đất ở khác nên Ủy ban nhân dân thành phố B xem xét bồi thường bằng tiền với tỉ lệ bồi thường, hỗ trợ là 100% đối với diện tích đất ông N bị thu hồi là phù hợp, đúng quy định pháp luật. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải bồi thường bằng đất hoặc bồi thường theo giá đất ở cho hộ ông N.

[3] Đối với yêu cầu bồi thường bằng việc giao đất tái định cư:

Tại khoản 1, 2 Điều 79 Luật đất đai 2013, Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì cá nhân đang sử dụng đất ở có Giấy chứng nhận nếu thu hồi hết đất ở mà cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư. Nếu cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với

nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.

Tuy nhiên, tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất trên thửa đất của ông N không có nhà ở, ông N không ở trên thửa đất bị thu hồi nên không phải di chuyển chỗ ở; trên địa bàn phường T ông N vẫn còn 01 thửa đất ở đứng tên chung với bà S. Việc này, tại Đơn xin trình bầy của ông Nguyễn Dương Bá N ngày 18/12/2020, ông N cũng đã thừa nhận: " Năm 2015 tôi cỏ nhận chuyển nhượng chung với mẹ tôi là bà Dương Thị S tại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 59 phường T diện tích 145,8 m^2 trong đó có 100 m^2 đất thổ cư, đã được UBND thành phố B cấp GCNQSDĐ và tài sản trên đất số BT 987066 đứng tên bà Dương Thị S, anh N". Vì vậy, đối với việc ông N cho rằng thửa đất số 62, tờ bản đồ số 59, diện tích 145,8m^2 đứng tên bà S, anh N đã được chuyển nhượng cho bà Đậu Thị Lan H1 để từ đó yêu cầu cấp đất tái định cư cho anh N là không đúng, bởi lẽ: Bà S và anh N chuyển nhượng cho bà Đậu Thị Lan H1, trú tại số D C, phường T, Tp . vào ngày 22/11/2021 là ngày sau khi đã có phương án bồi thường hỗ trợ. Tại thời điểm thu hồi đất và lập phương án bồi thường hỗ trợ thì thửa đất số 62, tờ bản đồ số 59, diện tích 145,8m^2 vẫn đang đứng tên bà S, anh N.

Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải bồi thường bằng giao đất tái định cư cho hộ ông N.

[5] Đối với yêu cầu về bồi thường các tài sản trên đất và các khoản hỗ trợ.

Tại Quyết định 8682, toàn bộ nhà và vật kiến trúc trên diện tích đất ở bị thu hồi đã được Ủy ban nhân dân thành phố B bồi thường 100% giá trị xây mới cho ông N theo đúng quy định tại Điều 13 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Về giá bồi thường đã được áp dụng đúng quy định tại quyết định số 07/2017-QĐ-UBND ngày 27/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc ban hành quy định về giá xây dựng, nhà ở, công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Đối với cây trồng trên đất đã được áp dụng theo quy định tại Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ để xác định giá hỗ trợ, bồi thường cây trồng trên đất 100% là đúng quy định pháp luật.

Đối với các khoản hỗ trợ khác gồm: hỗ trợ tiền thuê nhà; hỗ trợ di chuyển; hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Do ông Nguyễn Dương Bá N có nghề nghiệp là Giáo viên. Thời điểm thu hồi đất lại không ở trên đất bị thu hồi, không trực tiếp sản xuất nông nghiệp và không có nguồn thu nhập thường xuyên từ nông nghiệp trên đất thu hồi nên không được hỗ trợ đối với những khoản trên là phù hợp, đúng quy định.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bác các yêu cầu khởi kiện trên của người khởi kiện ông Nguyễn Dương Bá N là đúng pháp luật. Tại phiên phúc thẩm, bà Dương Thị S là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là đúng nên không có căn cứ chấp nhận; do đó Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Do người kháng cáo bị bác kháng cáo nên người khởi kiện là ông Nguyễn Dương Bá N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính năm 2015;

1. Bác kháng cáo của bà Dương Thị S là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Dương Bá N. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2023/HC-ST ngày 06/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc ông Nguyễn Dương Bá N phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0001592 ngày 19/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Thái

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án DS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người than gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, TL;